TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2024/DS-PT
Ngày: 21-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Lưu Văn Uẩn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Hữu Nghĩa.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Chính Hào – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tho – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà C, ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1963.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Nguyên đơn bà Vũ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, bà Vũ Thị Đ1 trình bày:*

Ngày 16/9/2021, bà T và ông L (con bà T) có vay của bà Đ số tiền là 15.000.000 đồng, thoả thuận miệng lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là 3 tháng. Ông L có ký xác nhận trong giấy mượn tiền ngày 10/8/2021 âm lịch (ngày 16/9/2021 dương lịch), khi vay tiền không có mặt bà T, ông L có cung cấp bản sao căn cước công dân của bà T. Sau khi vay tiền, bà T và ông Lưu k thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và tiền lãi đúng theo thoả thuận, bà T và ông Lưu k trả tiền vay và tiền lãi cho bà Đ.

Nay bà Đ yêu cầu bà T và ông L liên đới trả cho bà Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.300.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/7/2023 là 22 tháng, với mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 18.300.000 đồng.

* *Bị đơn, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L*: Không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2024/DS-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng), tổng tiền vay và tiền lãi là 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) với lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn L trả tiền cho bà Vũ Thị Đ.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 22/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 23/QĐ-VKS-DS, với nội dung bản án sơ thẩm tuyên phần lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa đúng.

Các đương sự không kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An không rút quyết định kháng nghị.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Về thủ tục: Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm, bị đơn bà T và ông Lưu k tham gia tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa bà Đ và bà T, ông Lưu k có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền. Do đó, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhưng Bản án sơ thẩm đã tuyên "kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) với lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án" là chưa đúng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Long An, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cải sửa một phần Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn, bà Vũ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt (đơn ngày 26/4/2024), bị đơn bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn Lưu k1 kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Đ: Bà Đ yêu cầu bà T và ông L liên đới trả cho bà Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.300.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/7/2023 là 22 tháng, với mức lãi suất 1%/tháng). Tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 18.300.000 đồng.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng), tổng tiền vay và tiền lãi là 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng). Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) với lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án. 2. Không chấp nhận

yêu cầu của bà Vũ Thị Đ đối với bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn L trả tiền cho bà Vũ Thị Đ. Sau khi án sơ thẩm tuyên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị phúc thẩm các đương sự khác không kháng cáo.

[5] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện tỉnh Long An có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 23/QĐ-VKS-DS ngày 22/02/2024, với nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm, bị đơn bà T và ông Lưu k1 tham gia tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa bà Đ và bà T, ông Lưu k1 có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền. Do đó, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhưng Bản án sơ thẩm đã tuyên "kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) với lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án" là chưa đúng.

[6] Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

[7] Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất: 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; 2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

[8] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm, bị đơn bà T và ông Lưu k1 tham gia tố tụng và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa bà Đ và bà T, ông L cũng không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền. Do đó, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhưng Bản án sơ thẩm đã tuyên "kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ (không tính lãi trên tiền lãi) với lãi suất là 20%/năm, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án" là chưa đúng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Long An là có căn cứ, cần được chấp nhận, sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần lãi suất chậm trả.

[9] Các khoản khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[10] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 288, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi, buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Đ số tiền vay là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng), tổng tiền vay và tiền lãi là 18.300.000 đồng (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi trên số tiền vay còn nợ với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền vay chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị Đ về việc yêu cầu bà Lê Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Văn L trả tiền cho bà Vũ Thị Đ.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Vũ Thị Đ đã nộp là 458.000 đồng (bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006536 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An, trả lại cho bà Vũ Thị Đ số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 158.000 đồng (một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 915.000 đồng (chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Lưu Văn Uẩn